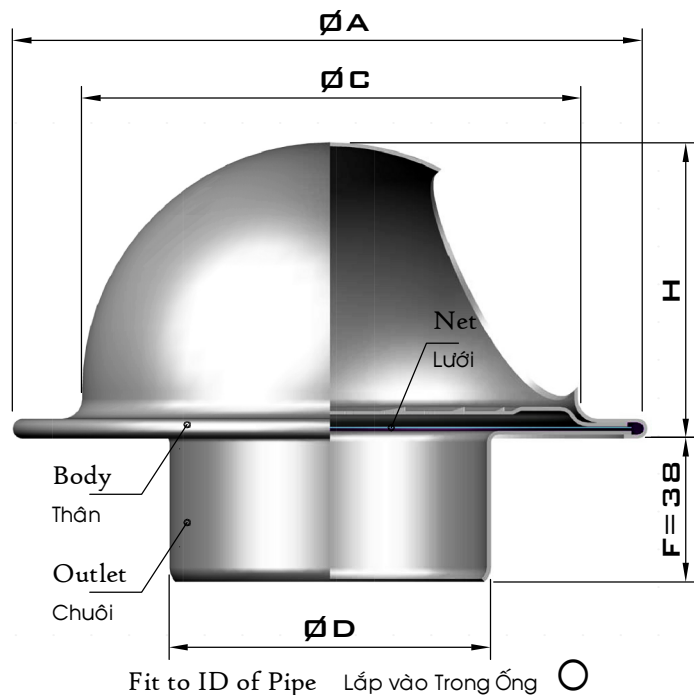
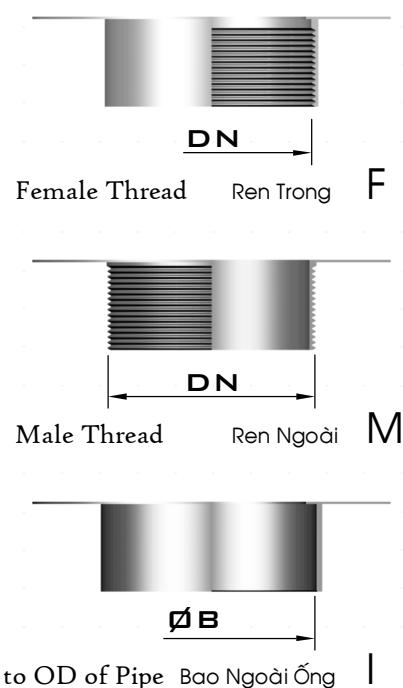


### Kiểu V2 Model



Options: Pipe Connection  
Tùy chọn: Cách Nối Ống



Material: All Stainless Steel SUS304/SUS316

Vật liệu: Toàn bộ bằng Inox SUS304/SUS316

Pipe Size	$\varnothing A$	$\varnothing B$	$\varnothing D$	H	$\varnothing W$	Free Area	Code
Kích thước Ống	(in)	(mm)	(mm)	(mm)	(mm)	Diện tích Miệng phễu (mm <sup>2</sup> )	Mã số
DN32	1 1/4	125	42	34	62	102	2,700 V2042 O 125 R2513
DN40	1 1/2	125	50	42	62	102	2,700 V2049 O 125 R2513
DN50	2	125	60	52	62	102	2,700 V2060 O 125 R2513
DN65	2 1/2	125	76	67	62	102	2,700 V2075 O 125 R2513
DN80	3	152	89	81	75	125	3,200 V2090 ? 152 R2513
DN100	4	152	110	98	75	125	3,200 V2110 O 152 R2513
DN100	4	152	114	102	75	125	3,200 V2114 O 152 R2513
DN125	5	215	140	125	102	180	8,000 V2140 O 215 R2513
DN150	6	215	160	148	102	180	8,000 V2160 O 215 R2513
DN150	6	215	168	152	102	180	8,000 V2168 O 215 R251?
DN200	8	270	220	200	145	240	18,000 V2220 O 215 R2513

Connecting Method  
Cách Lắp vào Ống

F/M/O/I

Material: SUS304/SUS316  
Vật liệu: Inox SUS304/SUS316

3/4